

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 22 - 5 - 2024  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên, bà Nguyễn Thị Thủy Khôi.*

- Thư ký phiên tòa: Ông Mông Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2024 giữa:

*Nguyên đơn: Chị Phan Thị M, sinh năm 1984 (có mặt)*

*Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.*

*Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 (vắng mặt)*

*Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Phan Thị M trình bày:*

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y. Sau khi kết hôn, chị về sống cùng gia đình anh T tại thôn Đ, xã Đ được hơn một năm thì vợ chồng chuyển ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi cưới đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, anh T không tôn trọng vợ, không bàn bạc, trao đổi với vợ nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã. Cuộc sống vợ chồng áp lực, căng thẳng nên chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã Đ, sống ly thân với anh T từ tháng 11/2023 đến nay. Nay chị thấy thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, hai bên không quan tâm chăm sóc nhau, chị không còn tình cảm với anh T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 02/6/2004; Nguyễn Kim X, sinh ngày 14/12/2012 và Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 13/6/2019, hiện nay các con đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Do cháu Đ đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu X và cháu T1 hiện nay vẫn đang ở cùng chị nên chị đề nghị được nuôi cả hai con sau ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Anh và chị Phan Thị M kết hôn với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y. Kết hôn xong vợ chồng về sống cùng bố mẹ anh được hơn một năm thì ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh làm ăn kinh doanh thua lỗ, rơi vào cảnh nợ nần, nhiều người đến đòi nợ gây áp lực với vợ anh nên vợ anh suy nghĩ nhiều. Từ đó vợ chồng hay xảy ra cãi cọ, vợ anh bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã Đ từ tháng 11/2023 sống ly thân với anh từ đó đến nay. Mặc dù vậy nhưng anh thấy vẫn còn tình cảm với vợ, việc chị M xin ly hôn thì anh không đồng ý. Đề nghị Tòa án hòa giải để chị M rút đơn khởi kiện, vợ chồng về đoàn tụ với nhau.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 02/6/2004; Nguyễn Kim X, sinh ngày 14/12/2012 và Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 13/6/2019. Hiện nay các con anh đều vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường. Do anh không đồng ý ly hôn nên về vấn đề con chung anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai, cháu Nguyễn Kim X trình bày:*

Cháu là con của bố Nguyễn Văn T và mẹ Phan Thị M. Hiện nay cháu đang ở cùng mẹ tại thôn C, xã Đ, huyện Y. Cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, đang đi học tại trường xã. Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ Phan Thị M.

Ngày 10/5/2024 Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án lần thứ nhất nhưng đã hoãn phiên tòa vì anh T vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do. Nguyên đơn là chị Phan Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn là chị Phan Thị M đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa không lý do là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao chị Phan Thị M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là Nguyễn Kim X, sinh ngày 14/12/2012 và Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 13/6/2019. Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Phan Thị M là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị M đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Chị Phan Thị M là người có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với anh Nguyễn Văn T. Bị đơn anh Nguyễn Văn Thế 1 người có địa chỉ cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

### **[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:**

Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do.

Căn cứ biên bản xác minh tại địa phương cho thấy: Anh Nguyễn Văn T đăng ký thường trú và vẫn thường xuyên cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Anh T biết việc Tòa án đang giải quyết yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị M đối với anh nhưng anh cố tình không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, mục đích gây khó khăn cho chị M trong việc xin ly hôn và nhằm kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn T.

### **[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:**

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị M và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 2003 trên tinh thần tự nguyện, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (*giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Đ cấp ngày 20/3/2003*). Do vậy xác định quan hệ giữa chị Phan Thị M và anh Nguyễn Văn Thế 1 hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Căn cứ tài liệu xác minh, thu thập trong hồ sơ cho thấy: Chị Phan Thị M và anh Nguyễn Văn T trong cuộc sống có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, không bảo ban được nhau trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình. Từ tháng 11/2023 đến nay, chị M và anh T sống ly thân, không quan hệ tình cảm, không quan tâm, chăm sóc nhau.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định về việc vợ chồng có nghĩa

vụ sống chung với nhau, cụ thể:

*“Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng*

*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.*

Việc chị M – anh T có mâu thuẫn được hai bên cùng thừa nhận, vì vậy đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Thực tế là anh, chị đã không ở cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong thời gian dài, phía anh T không thiện chí hòa giải để hàn gắn hôn nhân thể hiện ở việc anh T vắng mặt tại các phiên tòa.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị M, xử cho chị Phan Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn Thế 1 phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về con chung: Chị Phan Thị M và anh Nguyễn Văn T có 03 con chung là Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 02/6/2004; Nguyễn Kim X, sinh ngày 14/12/2012 và Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 13/6/2019. Hiện nay các con anh đều vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường. Nay cháu Đ đã trên 18 tuổi và anh T, chị M không yêu cầu giải quyết việc nuôi cháu Đ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với nguyện vọng được nuôi cả hai con X và T1 của chị M thì thấy:

Nguyện vọng được nuôi con của chị M là chính đáng, nhưng do vợ chồng không thỏa thuận được về việc nuôi con sau khi ly hôn, vì vậy cần căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết tranh chấp này.

*Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:*

*“Điều 81. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.*

*2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.*

Xem xét về điều kiện nuôi con của chị Phan Thị M thì thấy: Chị M đang làm giáo viên tại Trường Mầm non xã Đ, công việc và thu nhập ổn định, mức lương thực lĩnh hơn 8 triệu đồng/tháng nên với mức thu nhập trên là đảm bảo cho sinh hoạt hàng ngày và chi phí cho việc học tập của các con. Vì nơi làm việc gần nhà nên chị M có nhiều thời gian để quản lý, chăm sóc và giáo dục các con, có nơi ở đảm bảo việc học tập và sinh hoạt cho các con.

Trong khi anh Nguyễn Văn T không có quan điểm rõ ràng về việc nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung, nhiều lần vắng mặt tại phiên tòa nên không làm rõ được điều kiện nuôi con và nguyện vọng của anh Thế ra sao.

Hiện nay cháu Nguyễn Kim X đã trên 7 tuổi và có lời khai muốn được ở với mẹ, thực tế là cả cháu X và cháu T1 vẫn đang ở với mẹ (M), các chi phí sinh hoạt và học tập của các con đều do chị M chi trả và chịu trách nhiệm. Mặt khác các con đều còn nhỏ nên rất cần có mẹ chăm sóc, kèm cặp, tránh làm xáo trộn nếp sinh hoạt, học tập của các con cũng như để các con có điều kiện tốt nhất để phát triển mọi mặt thì cần giao cả hai con là Nguyễn Kim X, Nguyễn Phúc T1 cho mẹ là chị Phan Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của các con và phù hợp quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Do chị Phan Thị M và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Trường hợp đương sự tranh chấp về vấn đề con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung và có đơn yêu cầu thì sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị Phan Thị M là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn T.
2. Về con chung: Giao chị Phan Thị M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là Nguyễn Kim X, sinh ngày 14/12/2012 và Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 13/6/2019.

Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Phan Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005180 ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Phan Thị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- UBND xã Đức Giang, huyện Yên Dũng, BG;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Công thông tin điện tử tòa án;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thái Sơn**